

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 508/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

Ông Trần Việt D, sinh năm 1988;

Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

và bà Hoàng Thị Ngọc S, sinh năm 1985;

Địa chỉ: đường M, phường N, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 01/11/2019 và Đơn yêu cầu thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân phường X, Quận Y, Thành phố Z cấp ngày 11/3/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Việt D và bà Hoàng Thị Ngọc S là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống vợ chồng, ông Trần Việt D và bà Hoàng Thị Ngọc S phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Ông Trần Việt D và bà Hoàng Thị Ngọc S đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống, chăm lo cho các con.

Xét quan hệ hôn nhân của ông Trần Việt D và bà Hoàng Thị Ngọc S là không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của cả hai là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông Trần Việt D và bà Hoàng Thị Ngọc S xác nhận có 02 (hai) con tên Trần Bảo N, sinh ngày 09/8/2016 và Trần Thiên P, sinh ngày 14/5/2018. Hai bên thỏa thuận giao 02 con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông D cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/2 trẻ/01 tháng (mỗi trẻ 3.500.000) cho đến khi trẻ lần lượt đủ mười tám tuổi; Bắt đầu thi hành từ tháng 11/2019. Hai bên tự thi hành.

Xét sự thỏa thuận trên của ông D và bà S không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Trần Việt D tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Việt D và bà Hoàng Thị Ngọc S.

Quan hệ hôn nhân của ông Trần Việt D và bà Hoàng Thị Ngọc S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân phường X, Quận Y, Thành phố Z cấp ngày 11/3/2016 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Trần Việt D và bà Hoàng Thị Ngọc S xác nhận có 02 (hai) con tên Trần Bảo N, sinh ngày 09/8/2016 và Trần Thiên P, sinh ngày 14/5/2018. Hai bên thỏa thuận giao 02 con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông D cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/2 trẻ/01 tháng (mỗi trẻ 3.500.000) cho đến khi trẻ lần lượt đủ mười tám tuổi; Bắt đầu thi hành từ tháng 11/2019. Hai bên tự thi hành.

Quyền và nghĩa vụ của ông Trần Việt D và bà Hoàng Thị Ngọc S về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: ông Trần Việt D và bà Hoàng Thị Ngọc S xác nhận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí: lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Trần Việt D tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí, án phí mà ông D đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0016951 do Chi cục thi hành án Quận 2 lập ngày 29/10/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- UBND phường X, Quận Y;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Minh Yến